TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 264/2026/DS-ST Ngày: 04-08-2026 V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Danh Út Nhỏ

ông Nguyễn Hiếu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ. Người đại diện theo pháp luật ông Hoàng Việt H, chức vụ: Tổng giám đốc. địa chỉ trụ sở: Tháp B, số A T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Việt H là ông Ngô Xuân H1, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh K1. Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Ngô Xuân H1 là ông Ngô Anh K, chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng Phòng Đ - Chi nhánh K1.

Địa chỉ: Số B T, phường R, tỉnh An Giang

Bị đơn: Anh Phan Quốc N - sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2024 của Ngân hàng TMCP Đ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông Ngô Anh K trình bày:

Vào ngày 03/10/2003 anh Phan Quốc N có ký hợp đồng tín dụng số AB04000267/HĐ với Ngân hàng P - Chi nhánh tỉnh K1 (hiện nay Ngân hàng P đã sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Đ), vay số tiền là 30.000.000 đồng; thời hạn vay là 48 tháng (từ ngày 03/10/2003 đến ngày 17/10/2017); lãi suất cho vay 10.2%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; mục đích vay vốn là: Phát triển kinh tế gia đình; phương thức trả nợ: Gốc + lãi trả hàng tháng trong 48 kỳ; hình thức đảm bảo nợ vay: Tín chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng AB04000267/HĐ ngày 03/10/2003 này thì anh Phan Quốc N đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 28.219.500 đồng (trong đó: Nợ gốc là 20.080.200 đồng và lãi 8.139.300 đồng) sau đó không trả nữa. Khi anh Phan Quốc N ngưng không trả nợ gốc và đóng lãi của hợp đồng số AB04000267/HĐ ngày 03/10/2003 thì phía Ngân hàng đến cơ quan và N1 (khi anh N làm việc) để yêu cầu trả nợ nhiều lần và anh N cũng cam kết trả nợ nhưng không thực hiện được việc trả cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phan Quốc N phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 21/5/2026 là 31.390.581 đồng (trong đó: Nợ gốc 9.919.800 đồng và lãi 21.470.781 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số AB04000267/HĐ ngày 03/10/2003 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu gì thêm.

* Đối với bị đơn anh Phan Quốc N không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng anh N không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ buộc anh Phan Quốc N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày 04/8/2026 tổng cộng 31.390.581 đồng (trong đó: Nợ gốc 9.919.800 đồng và lãi 21.470.781 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện anh Phan Quốc N đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh N phải thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết vì anh N đã vi phạm thời hạn trả nợ. Bị đơn có địa chỉ tại Ấp L, xã V, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh N với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Vào ngày 03/10/2003 anh Phan Quốc N có ký hợp đồng tín dụng số AB04000267/HĐ với Ngân hàng P - Chi nhánh tỉnh K1 (nay Ngân hàng P sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Đ) số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Trong thời gian thực hiện hợp đồng anh Phan Quốc N đã trả được cho Ngân hàng 28.219.500 đồng (trong đó: Nợ gốc là 20.080.200 đồng và lãi 8.139.300 đồng). Sau đó, anh N ngưng thanh toán và anh N để khoản nợ quá hạn, anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết và gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 04/8/2026 tổng cộng 31.390.581 đồng (trong đó: Nợ gốc 9.919.800 đồng và lãi 21.470.781 đồng).

Xét Hợp đồng tín dụng và bên anh N không có thế chấp tài sản bảo đảm, nội dung trong hợp đồng được các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng anh N chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận mà đã vi phạm thời gian trả nợ từ năm 2003 đến nay. Do đó, X yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với bị đơn anh N đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định: "*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung"*. Trong quá

trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy anh N thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú nhưng anh N cũng thường có về nhà nhưng không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh N theo quy định nhưng anh vẫn không có mặt không có lý do và anh N cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của anh N.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự có giá ngạch: 31.390.581 đồng x 5% = 1.569.529 đồng (một triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm hai mươi chín đồng) buộc anh N có nghĩa vụ nộp do anh có lỗi trong vụ kiện này.

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 785.000 đồng (bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo lai thu số 0007893 ngày 07/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, vì yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 177, Điều 179, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc: anh Phan Quốc N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/8/2026 tổng cộng 31.390.581 đồng (trong đó: Nợ gốc 9.919.800 đồng và lãi 21.470.781 đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi từ tính từ ngày 04/8/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số AB04000267/HĐ tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Phan Quốc N phải nộp án phí 1.569.529 đồng (một triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm hai mươi chín đồng).

Ngân hàng TMCP Đ không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền 785.000 đồng (bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo lai thu số 0007893 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/8/2026). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Hoài Thanh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKS khu vực 5 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.